

Bản án số: 733/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21-12-2021

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Nga, bà Nguyễn Thị Nguyên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1370/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 245/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 218/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25/11/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lý Nguyễn Đài T, sinh năm: 1989;

Địa chỉ: A10/35 ấp 1, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành H, sinh năm: 1978;

Địa chỉ: A10/35 ấp 1, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 12 năm 2020; bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được, bà Lý Nguyễn Đài T trình bày:

Bà Lý Nguyễn Đài T và ông Nguyễn Thành H tự nguyện kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 06/01/2011); thời gian đầu sống chung hạnh phúc và có 01 con chung tên Nguyễn Lý Phương U, sinh ngày 28/8/2011; Sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, do tính tình

quan điểm sống không còn hòa hợp, vợ chồng không có sự yêu thương chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà Trang yêu cầu ly được hôn với ông H.

Về con chung: Có một con chung tên là Nguyễn Lý Phương U, sinh ngày 28/8/2011. Bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ U và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông Nguyễn Thành H vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không tham dự phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh đã phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên việc giải quyết vụ án vẫn còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Bà Lý Nguyễn Đài T khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông Nguyễn Thành H; Ông H có nơi cư trú tại huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2]. Về sự vắng mặt của bị đơn ông Nguyễn Thành H, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông Hưng vẫn vắng mặt không tham gia tố tụng

tại Tòa án; bà Lý Nguyễn Đài T có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà Trang và ông Hưng theo quy định tại Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về Nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 05 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/01/2011, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Lý Nguyễn Đài T và ông Nguyễn Thành H là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét quá trình giải quyết vụ án, bà Lý Nguyễn Đài T xác nhận là đời sống chung giữa bà và ông H có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không còn hòa hợp và không ai còn quan tâm chăm sóc nhau từ lâu.

Tại kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung *“Thời gian sinh sống tại địa phương chị T và anh H có xảy ra mâu thuẫn chuyện gia đình con cái. Mức độ mâu thuẫn không thể hàn gắn. Nguyên nhân là do gia đình anh H yêu cầu chị T sinh con trai, chị T không chịu nên gia đình anh H và anh H yêu cầu ly hôn để anh H lấy vợ khác”*. Đồng thời qua lời trình bày của bà T và thực tế cả hai đã sống ly thân từ lâu, không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau thì có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà Lý Nguyễn Đài T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thành H là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lý Nguyễn Đài T.

[2.2] Về con chung: bà T và ông H có một con chung tên Nguyễn Lý Phương U, sinh ngày 28/8/2011. Bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ U và trẻ U đang ở với bà T. Xét yêu cầu của bà T là phù hợp, bởi lẽ kể từ trẻ U được sinh ra thì bà T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của trẻ U khi được Tòa án ghi nhận ý kiến trẻ U trước khi đưa vụ án ra xét xử; Mặt khác, do trẻ U còn nhỏ và cần sự ổn định về tâm sinh lý của trẻ U nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lý Nguyễn Đài T không yêu cầu ông Nguyễn Thành H cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông H.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lý Nguyễn Đài T khai là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng ông H vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông H về tài sản chung, nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử

xem xét giải quyết vấn đề tài sản chung, nợ chung theo chứng cứ và yêu cầu của bà T. Trường hợp các đương sự có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.4] Ông Nguyễn Thành H đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng ông H vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, ông H đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Lý Nguyễn Đài T phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 96; khoản 4 Điều 147; Điều 227 và khoản 1 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lý Nguyễn Đài T đối với ông Nguyễn Thành H.

Bà Lý Nguyễn Đài T được ly hôn với ông Nguyễn Thành H. Giấy chứng nhận kết hôn số 05, do Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/11/2011 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Lý Phương U (nữ), sinh ngày 28/8/2011 cho bà Lý Nguyễn Đài T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Thành H.

Ông Nguyễn Thành H có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết; Riêng ông Nguyễn Thành H vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông về tài sản chung, nợ chung. Trường hợp các đương sự có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Bà Lý Nguyễn Đài T chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0080679 ngày 15/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trang đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (4);
- VKSND H. B (2);
- Chi cục THADS H. B (1);
- Cơ quan nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NguyễnThế Dũng